

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 8  
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 03/09/2025.

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH NINH BÌNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Quang Khánh;

Ông Nguyễn Xuân Định;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thị Bích Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 09 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2025/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 07 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Đinh Thị Đ, sinh năm 1995.

Số CCCD: 036195010052 do Cục C1 về TTXH cấp.

Địa chỉ: Thôn T, xã V, tỉnh Ninh Bình.

**Bị đơn:** Đinh Văn Q, sinh năm 1994.

Số CCCD: 036094007675 do Cục C1 về TTXH cấp.

Địa chỉ: Thôn T, xã V, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Q vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Đinh Thị Đ trình bày: Chị và anh Đinh Văn Q, kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y,

huyện Ý, tỉnh Nam Định nay là xã V tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống giữa chị và anh Q, phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, anh Q không quan tâm đến mẹ con chị, ly thân đầu năm 2024. Nay xác định không còn tình cảm với anh Q, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q; con chung: Có 02 con chung là cháu Đinh Nguyên B, sinh ngày 19-08-2017 và Đinh Ngọc D, sinh ngày 13-05-2020. Nguyên vọng xin được nuôi cả hai cháu B, D. Không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác có liên quan đến hôn nhân: Không có, không yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 tỉnh Ninh Bình giải quyết.

Quá trình làm việc với chính quyền địa phương nơi chị Đinh Thị Đ và anh Đinh Văn Q đăng ký hộ khẩu thường trú và thường xuyên sinh sống làm việc, địa phương cung cấp:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Đ và anh Đinh Văn Q, kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định nay là xã V tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc có với nhau 02 con chung, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn như nào thì địa phương không nắm được; con chung: Anh Q, chị Đ có 02 con chung là Đinh Nguyên B, sinh 19-8-2017 và Đinh Ngọc D, sinh ngày 13-05-2020; tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác có liên quan đến hôn nhân: Không có; hiện tại anh Đinh Văn Q và chị Đinh Thị Đ, đều đang sinh sống và làm việc tại Thôn T, xã V, tỉnh Ninh Bình, có đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại Thôn T, xã V, tỉnh Ninh Bình; Các văn bản tố tụng của Tòa án gửi về cho anh Đinh Văn Q và chị Đinh Thị Đ, địa phương đều giao trực tiếp cho gia đình và anh Q.

Đối với các vấn đề liên quan đến hôn nhân của anh Đinh Văn Q và chị Đinh Thị Đ, địa phương có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Đinh Thị Đ, có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn, anh Đinh Văn Q, vắng mặt lần hai không lý do. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn đề nghị xét xử vắng mặt của chị Đ. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật



của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn đã không chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử lý hôn giữa chị Đinh Thị Đ và anh Đinh Văn Q; Về con chung: Giao chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đinh Nguyên B, sinh 19-8-2017 và Đinh Ngọc D, sinh ngày 13-05-2020. Ghi nhận không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con của chị Đ, anh Q không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét vì chị Đ xác nhận không có, không yêu cầu; Về án phí sơ thẩm ly hôn chị Đinh Thị Đ, phải nộp theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Đinh Thị Đ có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh Đinh Văn Q, mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Cuộc hôn nhân giữa chị Đinh Thị Đ và anh Đinh Văn Q được xác lập năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định nay là xã V tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Chị Đ, anh Q chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không còn tôn trọng thương yêu và quan tâm đến nhau nữa; anh Q cũng đã được giao nhận thông báo, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Toà án nhưng anh không lên Toà án giải quyết. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh Q vắng mặt, chị Đ có đơn xin không tiến hành hoà giải vì không còn tình cảm với anh Q. Điều đó, chứng tỏ cả anh Q, chị Đ, không tha thiết hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đinh Thị Đ, xử cho chị được ly hôn anh Đinh Văn Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị Đ, anh Q có 02 con chung là Đinh Nguyên B, sinh 19-8-2017 và Đinh Ngọc D, sinh ngày 13-05-2020. Việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm, nghĩa vụ, là quyền lợi của cha mẹ, nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là chính đáng. Cháu B có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu D còn nhỏ. Tuy nhiên, khi quyết định giao con chung

cho bố hay mẹ nuôi dưỡng, HĐXX con xem xét đến điều kiện kinh tế, nguyện vọng của các con chung, nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần giao chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Đình Nguyên B, và Đình Ngọc D, ghi nhận không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con của chị Đ, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Đình Thị Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Đình Thị Đ, phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quyền Kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Đình Thị Đ và anh Đình Văn Q.

2. Về con chung: Giao chị Đình Thị Đ, trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Đình Nguyên B, sinh ngày 19-8-2017 và Đình Ngọc D, sinh ngày 13-05-2020. Ghi nhận không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con của chị Đ, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị Đình Thị Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Đình Thị Đ phải nộp là 300.000đ, đối trừ với số tiền 300.000đ đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số **BLTU/24/0000207**, ngày 10/7/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị Đ đã nộp đủ.



5. Chị Đinh Thị Đ và anh Đinh Văn Q được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, khu vực 8;
- Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Phòng Thi hành án số 8.;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Minh Tâm**

